

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh

Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2778/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXX-ST ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú : 75, tổ 31, khu phố 3 (nay là số 27, tổ 17, khu phố 2) phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: 541, tổ 30, khu phố 3, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ cư trú: 75, tổ 31, khu phố 3 (nay là số 27, tổ 17, khu phố 2), phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014, quyển số 2/2013, ngày 31/3/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên nhậu say xỉn về đánh đập vợ con, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau, anh L còn có người phụ nữ khác bên ngoài, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng chồng vẫn không thay đổi. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Chị xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/11/2014 và Nguyễn Ngọc Hoàn K, sinh ngày 26/5/2016, hiện cháu Thiên K và Hoàn K đang ở với anh chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Ngọc Thiên K và Nguyễn Ngọc Hoàn K, không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết, chị khai trước khi cưới ba mẹ ruột của chị có cho chị một phần đất, khi cưới về vợ chồng vay mượn số tiền 25.000.000 đồng để xây nhà. Nếu anh L yêu cầu chia tài sản thì chị chỉ đồng ý chia giá trị nhà, còn đất là của chị.

Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường L. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Chị H khai anh thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con và có người phụ nữ bên ngoài là không đúng. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến gây gỗ vào tháng 8/2020 là nguyên nhân chị H nộp đơn ly hôn chứ anh không đánh đập vợ. Nay chị H làm đơn ly hôn anh không đồng ý vì còn yêu thương vợ con.

Về con chung: anh và chị H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/11/2014 và Nguyễn Ngọc Hoàn K, sinh ngày 26/5/2016. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Thiên K và Nguyễn Ngọc Hoàn K cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số nhà 75, tổ 31, khu phố 3, phường L, Biên Hòa, Đồng Nai. Nguồn gốc đất của cha mẹ vợ cho vợ chồng anh vào năm 2014, chỉ cho miệng không lập giấy

tờ cho. Sau khi được cho đất, vợ chồng anh tiến hành xây nhà vào năm 2015, nhà cấp 4 có kết cấu tường gạch, cột gạch, mái tôn, tiền xây nhà do hai vợ chồng vay mượn. Vì vậy, nếu ly hôn anh đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên và đề nghị được hưởng giá trị. Anh đồng ý giao cho chị H quản lý, sử dụng nhà đất và thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh. Anh sẽ làm đơn khởi kiện chia tài sản chung và nộp cho Tòa án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày làm việc 19/3/2021. Quá thời hạn trên nếu anh không nộp đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được thông qua tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh L, về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên K và Nguyễn Ngọc Hoàn K cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn khai vợ chồng có tài sản chung là nhà, còn đất là của cha mẹ cho riêng trước hôn nhân và không yêu cầu chia, bị đơn khai vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng không làm đơn khởi kiện chia tài sản chung trong vụ án nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu; về nợ chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn L. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh L là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Kim H có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh L theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52/2014, quyền số 2/2013, ngày 31/3/2014. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.

Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn L ngày 29/3/2021, Ủy ban nhân dân phường L cung cấp: *“Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Văn L là có mâu thuẫn, khoảng tháng 8 năm 2020, bà H và ông L đánh nhau, đập phá đồ trong gia đình, khu phố biết, vợ chồng mâu thuẫn từ đó đến nay nhưng vẫn ở chung nhà. Việc bà H nộp đơn khởi kiện đề nghị ly hôn với ông L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”*.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị H đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, về sau hai bên phát sinh mâu thuẫn. Chị H khai anh L thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con và có người phụ nữ bên ngoài nhưng anh L không thừa nhận, tuy nhiên anh L xác định vào tháng 8/2020 vợ chồng có gây gổ và đánh nhau.

Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, tại biên bản làm việc ngày 19/3/2021 anh L trình bày vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh không có phương án hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt, cho thấy anh L cũng không muốn hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật, đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Nguyễn Văn L.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh L 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Hoàn K, sinh ngày 26/5/2016. Ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thiên K và Hoàn K, anh L cũng có ý kiến đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, giao các cháu Nguyễn Ngọc Thiên K và Nguyễn Ngọc Hoàn K cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng có tài sản chung là nhà, còn đất là của cha mẹ ruột cho riêng chị trước hôn nhân và không yêu cầu chia. Anh Nguyễn Văn L khai vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất, Tòa án lập biên bản làm việc, cho anh L thời hạn để nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung nhưng hết thời hạn anh L không nộp đơn khởi kiện. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Chị H và anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Nguyễn Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/11/2014 và Nguyễn Ngọc Hoàn K, sinh ngày 26/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con

chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không không đặt ra xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0007811 ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú